

Bản án số: 58/2019/DS-ST

Ngày: 18/9/2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Ông Phan Hồng Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C – Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-DS ngày 18/7/2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐST - DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 132, khu phố A, thị B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964; địa chỉ D2, Cư xá Phú Lâm B, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Tại văn bản ủy quyền số 40 ngày 07/8/2019)

2. Bị đơn: 2. 1 Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1982.

2.2 Bà Võ Thị X, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: ấp F, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Hoàng A: Bà Võ Thị X, sinh năm 1988 (Tại văn bản ủy quyền số 50 ngày 27/8/2019)

(Tất cả có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Dương Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ trình bày:

Ông Trần Quốc Đ là chủ hộ kinh doanh của cơ sở thức ăn thủy sản Quốc Đ. Từ năm 2014 đến năm 2018 vợ chồng ông Lê Hoàng A, bà Võ Thị X có đến cơ sở của ông Đ mua thức ăn, thuốc về nuôi tôm nhiều lần. Việc mua bán có ghi vào sổ cho đôi bên giữ. Khi mua bán cùng nhau, phía ông A, bà X thỏa thuận sẽ thanh toán dứt nợ cho ông Đ vào thời

gian thu hoạch tôm. Thời gian đầu ông A, bà X thanh toán tiền cho ông Đ rất tốt nhưng sau đó thì số tiền thiếu lại ngày càng tăng lên. Tính đến tháng 3/2018 ông A, bà X nợ ông Đ số tiền 105.609.000 đồng. Ngày 04/6/2019 đôi bên đã ngồi lại lập Giấy xác nhận đối với số tiền nợ nói trên. Kể từ tháng 3 năm 2018 đến khi tòa hòa giải vụ kiện phía ông A, bà X không thanh toán cho ông Đ được số tiền nào. Vì vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông A, bà X liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền nợ gốc đã mua thức ăn và thuốc thủy sản là 105.609.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ tháng 3 năm 2018 đến tháng tòa xét xử;

Ngày 10/9/2019 vợ chồng ông A, bà X có thanh toán cho ông Đ được 10.000.000 đồng, số tiền này ông Đ đồng ý khấu trừ vào tiền nợ gốc mà ông A, bà X thiếu ông Đ. Do vậy, tại phiên tòa ông Nguyễn Dương Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ xác định: nguyên đơn ông Trần Quốc Đ chỉ yêu cầu tòa buộc ông Lê Hoàng A, bà Võ Thị X có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền nợ mua thức ăn và thuốc thủy sản tổng cộng là 113.894.211 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 95.609.000 đồng; Tiền nợ lãi của số tiền 95.609.000 đồng tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 30/8/2019 (17 tháng) với mức lãi suất 1,125%/tháng thành tiền lãi là 18.285.221 đồng).

Tại bản tự khai ngày 24/8/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phía bị đơn bà Võ Thị X (Bà X đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng A) trình bày:

Trong quá trình làm kinh tế, từ năm 2014 vợ chồng ông A, bà X có nhiều lần mua thức ăn tôm, thuốc nuôi tôm từ cơ sở của ông Đ về nuôi tôm. Thời gian đầu vợ chồng ông A, bà X thanh toán tiền cho ông Đ đầy đủ, đúng hạn. Từ tháng 3 năm 2018 vì nuôi tôm không thuận lợi nên có thiếu lại ông Đ một phần tiền mua thức ăn tôm, thuốc nuôi tôm. Tính từ cuối tháng 3/2018 ông A, bà X còn nợ ông Đ số tiền 105.609.000 đồng. Ngày 04/6/2019 đôi bên đã ngồi lại lập Giấy xác nhận đối với số tiền nợ ông A, bà X thiếu ông Đ từ cuối tháng 3/2018 là 105.609.000 đồng. Ngày 10/9/2019 ông A, bà X thanh toán được cho ông Đ 10.000.000 đồng tiền gốc. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ tại tòa hôm nay thì ông A, bà X thấy là hợp lý. Tuy nhiên do hoàn cảnh ông A, bà X quá khó khăn không có khả năng thanh toán cả tiền gốc lẫn lãi cho ông Đ nên ông A, bà X xin chỉ thanh toán tiền gốc 95.609.000 đồng cho ông Đ dưới hình thức thanh toán dần 10.000.000 đồng/năm, còn phần tiền lãi thì xin không thanh toán.

Từ các lời trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét việc ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A, bà X có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền mua thức ăn, thuốc nuôi tôm còn thiếu tổng cộng là 113.894.211 đồng (Một trăm mười ba triệu, tám trăm chín mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi một đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 95.609.000 đồng (Chín mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn đồng); Tiền nợ lãi của số tiền 95.609.000 đồng tính từ ngày 30/3/2018 đến tháng 30/8/2019 (17 tháng) với mức lãi suất 1,125%/tháng thành tiền lãi là 18.285.221

đồng (Mười tám triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm hai mươi một đồng) Hội đồng xét xử thấy:

[1] Việc mua bán thức ăn, thuốc nuôi tôm giữa ông Đ và ông A, bà X là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có việc mua bán cùng nhau, thừa nhận ngày 04/6/2019 ông A, bà X và ông Đ có lập giấy xác nhận chốt số nợ ông A, bà X còn thiếu ông Đ từ ngày 30/3/2018 là 105.609.000 đồng và ký tên. Giấy xác nhận nợ ngày 04/6/2019 được xem là chứng cứ để Tòa án giải quyết vụ kiện.

[2] Từ ngày 30/3/2018 đến nay ông A, bà X thanh toán được ông Đ số tiền 10.000.000 đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu ông A, bà X thanh toán tiền mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản chưa thanh toán với số tiền tổng cộng 113.894.211 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Việc Ông A, bà X thừa nhận có nợ, đồng ý thanh toán tiền nợ gốc cho ông Đ nhưng yêu cầu được thanh toán dần mỗi năm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) còn tiền lãi thì xin không thanh toán không được người đại diện theo ủy quyền của ông Đ đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí DS-ST có giá ngạch: 5.694.711 đồng (Năm triệu, sáu trăm chín mươi bốn ngàn, bảy trăm mười một đồng), do yêu cầu của nguyên đơn, được chấp nhận nên bị đơn phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể:

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội . Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ. Buộc bị đơn ông Lê Hoàng A, bà Võ Thị X có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Quốc Đ số tiền 113.894.211 đồng (Một trăm mười ba triệu, tám trăm chín mươi bốn ngàn, hai trăm hai mươi một đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 95.609.000 đồng (Chín mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn đồng); Tiền nợ lãi là 18.285.221 đồng (Mười tám triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm hai mươi một đồng).

2/Không chấp nhận ý kiến của ông Lê Hoàng A, bà Võ Thị X về việc yêu cầu được thanh toán dần cho ông Đ số tiền nợ gốc là 95.609.000 đồng (Chín mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ chín ngàn đồng) dưới hình thức mỗi năm thanh toán 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và không phải thanh toán cho ông Đ số tiền lãi 18.285.221 đồng (Mười tám triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm hai mươi một đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 5.694.711 đồng (Năm triệu, sáu trăm chín mươi bốn ngàn, bảy trăm mười một đồng) bị đơn ông Lê Hoàng A, bà Võ Thị X có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.115.000 đồng (Ba triệu, một trăm mười lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004978 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Rên